| | |
|---|---|
| **TÒA PHÚC THẨM**<br>**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**<br>**TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2025/HS-PT
Ngày: 28-7-2025

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Ông **Lê Văn Thường**

Ông **Trần Đức Kiên.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thu Hiền,** Thư ký Tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 326/2025/TLPT-HS ngày 01 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Đào Thị Ngọc H về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* do có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

** Bị cáo kháng cáo:*

Đào Thị Ngọc H**,** sinh ngày 28/4/1984 tại Gia Lai. Nơi thường trú: Tổ D, P.D, TP ., tỉnh Gia Lai. Nơi tạm trú: 225/13/11/7 Phạm Văn Đ, P.T, TP ., Gia Lai. (Nay là phường T, tỉnh Gia Lai) Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Cha: Đào Văn T, sinh năm 1954. Mẹ: Huỳnh Thị Thu C, sinh năm 1956. Chồng: Phan Văn T1, là bị cáo trong vụ án, có 02 con chung sinh năm 2012 và 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo* Đào Thị Ngọc H*:* Bà Trần Thị M và ông Trương Văn V1 - Luật sư của Văn phòng luật sư Trương Thị P, Đoàn Luật sư tỉnh G. Vắng mặt.

Ngoài ra, vụ án còn có bị cáo Phan Văn T1, người bị hại và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Ngày 22/9/2015, Phan Văn T1 và vợ là Đào Thị Ngọc H đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CA 986610 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 17/07/2015, thửa đất số 176, tờ bản đồ số 28 diện tích 423,7m2, địa chỉ thửa đất tại tổ B, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai, đứng tên bà Nguyễn Thị B (trú tại E C, thành phố P) và ngày 26/9/2016, T1 và H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số AL 726626 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 22/01/2008 đối với thửa đất số 357, tờ bản đồ số: 28, diện tích thửa đất 535,5m2 địa chỉ thửa đất tại tổ B, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai cũng đứng tên bà Nguyễn Thị B.

Ngày 10/10/2015, T1 và H thế chấp GCNQSDĐ số CA 986610 tại Ngân hàng B1 chi nhánh G - Phòng G1. Sau khi xóa thế chấp (ngày 16/6/2017), ngày 16/6/2017, T1 và H tiếp tục thế chấp vay vốn tại ngân hàng A chi nhánh thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đối với GCNQSDĐ số AL726626, ngày 25/10/2016, T1 và H thế chấp vay vốn tại Ngân hàng B1 chi nhánh G – Phòng G1, ngày 16/6/2017, T1 và H đem thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N chi nhánh thành phố P.

Tuy nhiên, để có tiền tiêu xài cá nhân, đầu năm 2016, Phan Văn T1 đã lên mạng xã hội đặt làm giả 03 Giấy CNQSDĐ số CA 986610 và 02 Giấy CNQSDĐ số AL 726626 theo đúng ngày cấp, số thửa, số tờ bản đồ, diện tích đất, địa chỉ, tên địa chỉ người sử dụng đất và ngày chuyển nhượng cho T1 và H. Sau khi có các GCNQSDĐ giả, T1 và H tiến hành giao dịch ký các Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho 03 bị hại Lương Trọng H1, Phạm Thanh S và Cao Thị Thu V2 để chiếm đoạt tổng số tiền là 2.280.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt tài sản, vợ chồng Phan Văn T1 bỏ trốn khỏi địa phương, cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt 750.000.000 đồng của ông Lương Trọng H1 *(sinh năm 1971; trú tại:* Tổ F, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai*)*.

Ngày 31/3/2016, Phan Văn T1 và vợ Đào Thị Ngọc H, ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Lương Trọng H1 theo GCNQSDĐ giả số CA 986610 với số tiền chuyển nhượng là 400.000.000 đồng nhưng trong hợp đồng chỉ ghi 20.000.000 đồng. T1 đã nhận tiền, ký và viết tên xác nhận đã nhận 400.000.000 đồng trên Giấy nhận tiền bán đất và tài sản gắn liền trên đất đưa ông H1 giữ.

Ngày 09/11/2016, T1 và H tiếp tục ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H1 theo GCNQSDĐ giả số AL 726626 với số tiền chuyển nhượng là 350.000.000 đồng nhưng trong hợp đồng chuyển nhượng chỉ ghi 50.000.000 đồng. T1 đã nhận tiền, ký và viết tên xác nhận đã nhận 350.000.000 đồng trên Giấy nhận tiền bán đất và tài sản gắn liền trên đất đưa ông H1 giữ.

Ngày 28/11/2017, ông H1 mang 02 GCNQSDĐ trên đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P để làm thủ tục đăng ký thay đổi tên quyền sử dụng đất thì được cán bộ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thông báo 02 GCNQSDĐ này nghi bị làm giả nên tiến hành tạm giữ chuyển cho cơ quan điều tra xác minh. Qua trưng cầu giám định, tại Kết luận giám định số 95/KLGĐ ngày 19/01/2018, số 188/KLGĐ ngày 21/3/2018 và Kết luận giám định số 573/KLGĐ ngày 25/10/2018 của Phòng K Công an tỉnh G đã kết luận: Phôi GCNQSDĐ số hiệu CA 986610 và số hiệu AL 726626 là giả; các hình dấu tròn, dấu họ tên, dấu chức danh và chữ ký trên 02 Phôi GCNQSDĐ nêu trên so với các mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu tương ứng đóng ra, không phải do cùng một người ký ra; Chữ ký, chữ viết dưới mục bên bán trên Giấy nhận tiền bán đất và tài sản gắn liền trên đất do Phan Văn T1 viết và ký; Chữ ký, chữ viết trên các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Đào Thị Ngọc H ký và viết ra.

2. Hành vi chiếm đoạt số tiền 1.280.000.000 đồng của anh Phạm Thanh S *(sinh năm 1987; trú tại* B L, P, tỉnh Gia Lai*)*.

Ngày 19/9/2016, T1 gặp anh Phạm Thanh S hỏi vay số tiền 300.000.000 đồng. Để tạo niềm tin cho anh S, cùng ngày Phan Văn T1 và Đào Thị Ngọc H ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ giả số CA 986610 cho anh S với giá 300.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng cho anh S quyền sử dụng đối với thửa đất trên thì ngày 18/11/2016, T1 đã hỏi vay thêm của anh S số tiền 300.000.000 đồng, khi nhận tiền T1 có viết Giấy mượn tiền với nội dung có vay của anh S số tiền 300.000.000

đồng và để lại Giấy CNQSDĐ trên để làm tin. Do T1 có thế chấp QSDĐ nên anh S đồng ý cho vay tiền.

Ngày 27/02/2017, T1 và H tiếp tục ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh S theo GCNQSDĐ số AL 726626 giả với giá 50.000.000 đồng và cùng ngày T1 đã viết giấy mượn của anh S số tiền 350.000.000 đồng. Sau đó vào các ngày 12/6/2017 và 06/9/2017, Phan Văn T1 tiếp tục hỏi vay của anh S số tiền lần lượt là 120.000.000 đồng và 160.000.000 đồng. Khi nhận các số tiền vay nói trên, T1 đều viết Giấy mượn tiền có nội dung để lại Giấy CNQSDĐ số AL 726626 giả trên để làm tin. Do T1 có thế chấp QSDĐ nên anh S đồng ý cho vay tiền. Sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vay mượn tiền của anh S, Phan Văn T1 cùng vợ không thực hiện cam kết trả nợ và đã bỏ trốn nên anh S đã làm đơn tố giác hành vi phạm tội của vợ chồng Phan Văn T1 gửi Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G. Qua giám định, Phòng K1 Công an tỉnh G kết luận Phôi 02 GCNQSDĐ trên là giả, hình dấu tròn trên 02 GCNQSDĐ trên không do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký, chữ viết trên 06 Giấy mượn tiền so với chữ ký của Phan Văn T1 do T1 viết và ký ra. Chữ ký, chữ viết trên các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giữa vợ chồng T1, H với anh S) so với chữ ký của Đào Thị Ngọc H do cùng một người viết và ký ra.

3. *Hành vi chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng của bà Cao Thị Thu V2 (sinh năm 1973; trú tại: Tổ A, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai)*

Ngày 13/01/2017, T1 và H ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy CNQSDĐ giả số CA 986610 cho bà Cao Thị Thu V2, là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm cố tài sản, số nhà A đường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vay số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng, lãi suất thỏa thuận là 4%/ tháng. Đến ngày 29/03/2017, T1 và H đến cơ sở cầm đồ của bà V2 vay thêm 50.000.000 đồng và viết Hợp đồng cầm cố GCNQSDĐ với số tiền 250.000.000 đồng. Đến thời hạn thanh toán tiền vay nhưng T1 không trả tiền cho bà V2, nên ngày 05/10/2017, bà V2 mang GCNQSDĐ trên đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P, tỉnh Gia Lai để kiểm tra thật, giả thì được nhân viên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai trả lời GCNQSDĐ trên là giả, tiến hành lập biên bản thu giữ và chuyển cho Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh G điều tra xác minh. Qua giám định, tại Kết luận giám định số 333/KLGĐ ngày 23/10/2017 và số 573/KLGĐ ngày 25/10/2018 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận:, xác định: Phôi GCNQSDĐ số CA 986610 không phải do cùng 01 bản in với bản Phôi do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cung cấp in ra. Chữ ký tên "Phạm Duy D", hình dấu tròn trên GCNQSDĐ số CA 986610 so với Mẫu so sánh không phải do cùng một người ký, một dấu tương ứng đóng ra; Chữ ký, chữ viết

trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giữa vợ chồng T1, H với bà V2) so với chữ ký của Đào Thị Ngọc H do cùng một người viết và ký ra.

Tổng cộng, Phan Văn T1 và Đào Thị Ngọc H đã sử dụng 05 GCNQSDĐ giả để thế chấp cầm cố và chiếm đoạt của 03 bị hại với tổng số tiền 2.280.000.000 đồng. Sau khi phát hiện GCNQSDĐ T1 thế chấp là giả, bà V2 đã nhiều lần đến nhà vợ chồng T1 yêu cầu T1 trả lại tiền thì T1 đã trả được 55.000.000 đồng. Số tiền còn lại vợ chồng Phan Văn T1 sử dụng tiêu xài cá nhân. Sau đó T1 và H bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 28/3/2018, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Phan Văn T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 4 Điều 174 và khoản 3 Điều 341 BLHS đồng thời ra Quyết định truy nã đối với Phan Văn T1. Đến ngày 24/8/2024, Phan Văn T1 bị bắt theo Quyết định truy nã. Ngày 14/02/2025, Đoàn Thị Ngọc H2 bị khởi tố áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Qua điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đối với tài sản của Phan Văn T1 và Đào Thị Ngọc H nhận chuyển nhượng từ bà B, sau khi thế chấp vay ngân hàng ngày 13/11/2017 và ngày 17/11/2017, T1 và H đã chuyển nhượng cho ông Hoàng Minh H3. Hiện T1 và H không còn tài sản gì.

*Dân sự: Sau khi phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giấy giả thì bà V2 đã nhiều lần đến nhà vợ chồng T1 yêu cầu T1 trả lại tiền thì T1 đã trả được 55.000.000 đồng, hiện bà V2 yêu cầu vợ chồng Phan Văn T1 phải trả lại số tiền 195.000.000 đồng còn lại; ông Lương Trọng H1 yêu cầu vợ chồng T1 phải trả 750.000.000 đồng; anh Phạm Thanh S yêu cầu vợ chồng T1 phải trả 1.280.000.000 đồng. Hiện các bị cáo chưa bồi thường

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HS-ST ngày 27/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:***

**1. Về tội danh và hình phạt:** Tuyên bố bị cáo Đào Thị Ngọc H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đào Thị Ngọc H 13 (mười ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 3 (ba) năm tù về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đào Thị Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **16** (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm, ngày 04/6/2025, bị cáo Đào Thị Ngọc H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày và nộp đơn không yêu cầu Luật sư, bị cáo H tự bào chữa.

Quan điểm của Đại diện Viện công tố phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận:

[1]. Vợ chồng bị cáo Phan Văn T1, Đào Thị Ngọc H có quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là Giấy) số CA 986610 (do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 17/07/2015) và Giấy số AL 726626 (do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 22/01/2008) và đã dùng 02 Giấy thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền.

Năm 2016 bị cáo Phan Văn T1 lên mạng xã hội đặt làm giả 03 Giấy số CA 986610 và 02 Giấy số AL 726626. Sau đó, bị cáo T1 và bị cáo H đã sử dụng các Giấy giả này ký các Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho 03 bị hại gồm ông Lương Trọng H1 vay 750.000.000đ, ông Phạm Thanh S vay 1.280.000.000đ và bà Cao Thị Thu V2 vay 250.000.000đ để cùng sử dụng và sau đó bỏ trốn khỏi địa phương. Tổng số tiền chiếm đoạt của các bị hại là 2.280.000.000 đồng.

Toà án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Đào Thị Ngọc H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung "Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" với tình tiết định khung "Sử dụng tài liệu thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng" theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đào Thị Ngọc H thì thấy; Trong vụ án này cùng lúc bị cáo vừa có hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác; và xâm phạm hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an. Hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức thuộc trường hợp nghiêm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá, xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Tại phiên toà hôm nay, bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt, do đó HĐXX không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện công tố, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

[2]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm:

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

## QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Thị Ngọc H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Tuyên xử:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Đào Thị Ngọc H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đào Thị Ngọc H 13 (mười ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 3 (ba) năm tù về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đào Thị Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **16** (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Đào Thị Ngọc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HS-ST ngày 27/5/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai.
- Cơ quan CSĐT - Phòng tham mưu, CA tỉnh Gia Lai.
- Phòng THAHS và HTTP CA tỉnh Gia Lai.
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai.
- THADS tỉnh Gia Lai.
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai.
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác.
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Tồn**